

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban điều hành	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành của Công ty trong năm 2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Toàn	Chủ tịch Công ty
Ông Lê Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Thành Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Kiều Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV ĐTPPT THỦY LỢI HÀ NỘI

Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. *ttz*

Thay mặt Ban điều hành,



Trần Thanh Toàn

Chủ tịch Công ty

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

Số: 28b/2021/BCTC/ASCOMB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban điều hành

Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê các công trình xây dựng cơ bản tại các thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021. Mặt khác, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để thu thập bằng chứng thích hợp liên quan đến số dư khoản mục này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ của khoản mục này tại các thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán Hùng Vương kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ tại ngày 26/03/2021.



A blue ink signature, likely belonging to the auditor, written in a cursive style.

NGUYỄN THÀNH TUẤN
Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 2541-2018-149-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

- CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

LÊ TUẤN QUANG
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 4947-2020-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.456.159.763	126.917.895.018
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	43.966.826.477	52.660.711.321
1. Tiền	111		43.966.826.477	52.660.711.321
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.978.137.574	69.889.200.329
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	61.331.457.520	63.937.557.965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	10.584.000	10.220.511
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	186.845.809	2.504.080.906
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(243.873.758)	(243.873.758)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.693.124.003	3.681.214.705
III. Hàng tồn kho	140		1.554.426.561	1.554.426.561
1. Hàng tồn kho	141	V.05	1.554.426.561	1.554.426.561
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.956.769.151	2.813.556.807
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	69.200.000	2.813.556.807
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	1.887.569.151	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		838.343.299.847	753.317.829.399
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
I. Tài sản cố định	220		835.614.830.174	750.560.559.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	835.544.716.574	750.490.446.126
- Nguyên giá	222		908.712.363.117	815.623.424.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.167.646.543)	(65.132.978.324)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	70.113.600	70.113.600
- Nguyên giá	228		350.568.000	350.568.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(280.454.400)	(280.454.400)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.728.469.673	2.728.469.673
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	2.728.469.673	2.728.469.673
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		-	28.800.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	-	28.800.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		949.799.459.610	880.235.724.417

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘI

Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.816.929.215	84.815.782.761
I. Nợ ngắn hạn	310		52.303.929.215	81.629.782.761
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	13.182.292.670	25.515.137.807
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11a	-	2.785.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	705.039.476	15.791.501.436
4. Phải trả người lao động	314		14.098.425.320	10.375.385.984
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.921.993.076	927.080.976
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	30.000.000	30.000.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	10.791.210.764	20.616.820.534
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		10.574.967.909	8.371.071.024
II. Nợ dài hạn	330		6.513.000.000	3.186.000.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	-	30.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.513.000.000	3.156.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		890.982.530.395	795.419.941.656
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	890.821.937.770	795.145.989.531
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		852.003.428.684	766.117.274.332
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.466.057.094	27.676.263.207
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(39.445.201)	(39.445.201)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(39.445.201)	(39.445.201)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		1.391.897.193	1.391.897.193
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		160.592.625	273.952.125
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		160.592.625	273.952.125
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		949.799.459.610	880.235.724.417

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng



Kiều Thị Hồng Thắm

Chủ tịch Công ty



Trần Thanh Toàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	172.518.860.154	176.375.642.039
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		172.518.860.154	176.375.642.039
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	117.593.690.817	124.234.572.023
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.925.169.337	52.141.070.016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	59.808.514	133.399.878
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	37.743.045	55.291.746
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	16.298.303.812	15.726.644.306
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.648.930.994	36.492.533.842
11. Thu nhập khác	31		3.668.515	-
12. Chi phí khác	32	VI.05	827.001.004	2.994.276.195
13. Lợi nhuận khác	40		(823.332.489)	(2.994.276.195)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.825.598.505	33.498.257.647
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	5.192.952.217	5.082.513.374
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		32.632.646.288	28.415.744.273

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng



Kiều Thị Hồng Thắm

Chủ tịch Công ty



Trần Thanh Toàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		177.996.123.326	154.932.381.170
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(56.673.693.725)	(46.424.791.019)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(42.135.404.106)	(8.303.012.459)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.000.000.000)	(9.350.147.818)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.069.972.110	2.739.094.876
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(52.448.294.330)	(84.307.674.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.808.703.275	9.285.850.084
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(32.502.588.119)	(29.231.702.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.502.588.119)	(29.231.702.377)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.693.884.844)	(19.945.852.293)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.660.711.321	72.606.563.614
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	43.966.826.477	52.660.711.321

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng



Kiều Thị Hồng Thắm

Chủ tịch Công ty



Trần Thanh Toàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty khai thác công trình thủy lợi Đông Anh theo Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 30/01/2008 của UBND thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số 0100764400 đăng ký lần đầu ngày 26/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 29/10/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100764400 thay đổi lần thứ năm, vốn điều lệ của Công ty là 710.000.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích thủy lợi.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Chi tiết: Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, kinh tế;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước sạch nông thôn;
- Gia công cơ khí ; xử lý tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa thiết bị thủy lợi;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Sửa chữa thiết bị cơ điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Cung cấp nước sạch nông thôn;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, du lịch sinh thái.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Theo Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND thành phố Hà Nội, về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội. Công ty có 5 đơn vị hạch toán phụ thuộc, bao gồm :

Xí nghiệp Thủy lợi Mê Linh

Xí nghiệp Thủy lợi Đông An

Xí nghiệp Thủy lợi Gia Lâm

Xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn

Xí nghiệp Cung cấp nước thô và tư vấn xây dựng

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Thủy lợi Hà Nội – Xí nghiệp dịch vụ tư vấn xây dựng hoạt động theo Giấy nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100764400-003 đăng ký lần đầu ngày 18/9/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp là đơn vị hạch toán phụ thuộc. Tuy nhiên đơn vị này đang tạm ngừng hoạt động.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư các công nợ nội bộ giữa các đơn vị trong Công ty được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch

có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được tập hợp trong kỳ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Trong đó, theo khoản 4, và khoản 2 điều 1 của Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 thì một số tài sản của Công ty không phải trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản, cụ thể là:

“Loại 6: Các tài sản cố định là kết cấu hạ tầng, có giá trị lớn do Nhà nước đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế quản lý, khai thác, sử dụng:

- *Tài sản cố định là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước (như hồ, đập, kênh, mương); Máy bơm nước từ*

8.000 m3/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình giao cho các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi để tổ chức sản xuất kinh doanh cung ứng dịch vụ công ích”

Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 20
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Các tài sản khác	04 - 25

Căn cứ theo hợp đồng đặt hàng của Ban quản lý dịch vụ thủy lợi Hà Nội, Công ty chưa thực hiện trích khấu hao tài sản cố định đối với các tài sản là nhà cửa, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho hoạt động tưới, tiêu.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý công trình.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản phải trả liên quan đến hoạt động sửa chữa thường xuyên kênh tưới, cống điều tiết, nhà trạm... của Công ty, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về hoạt động cho thuê mặt nước hồ. Việc phân bổ để ghi nhận vào doanh thu được thực hiện theo số năm khách hàng trả tiền trước.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của đơn vị được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản ở Công ty phải chấp hành và tôn trọng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản hiện hành.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi

nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong đó, đối với doanh thu cung cấp dịch vụ hoạt động công ích về thủy lợi được ghi nhận trên cơ sở đơn đặt hàng của UBND Thành phố Hà Nội, hồ sơ nghiệm thu được các cơ quan ban ngành có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi không chịu thuế giá trị gia tăng.

Hoạt động cho thuê mặt nước hồ chịu thuế giá trị gia tăng 10%.

Hoạt động cung cấp nước thô chịu thuế giá trị gia tăng 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động cung cấp nước thô, dịch vụ cho thuê mặt nước chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bên liên quan của Công ty gồm: Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội là chủ sở hữu; các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘI

Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Tiền</i>	43.966.826.477	52.660.711.321
Tiền mặt	52.797.853	415.266.954
Tiền gửi ngân hàng	43.914.028.624	52.245.444.367
Cộng	43.966.826.477	52.660.711.321

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	61.331.457.520	63.937.557.965
Ban quản lý dịch vụ thủy lợi Hà Nội	56.508.410.801	58.859.497.425
Công ty TNHH Một thành viên nước sạch Hà Nội	3.571.339.200	3.492.231.600
HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đình Bảng	296.418.693	421.013.825
Công ty TNHH Xây Dựng Hùng Hué	288.887.871	288.887.871
Các đối tượng khác	666.400.955	875.927.244
Cộng	61.331.457.520	63.937.557.965

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	10.584.000	10.220.511
Công ty Cổ phần xây dựng và sản xuất thương mại Hà Nội	10.065.000	10.065.000
Các đối tượng khác	519.000	155.511
Cộng	10.584.000	10.220.511

4. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	186.845.809	-	2.504.080.906	-
Tạm ứng	147.039.985	-	276.619.132	-
BHXH nộp thừa	-	-	58.616.574	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	2.045.040.000	-
Các khoản phải thu khác	39.805.824	-	123.805.200	-
Cộng	186.845.809	-	2.504.080.906	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	1.554.426.561	-	1.554.426.561	-
Cộng	1.554.426.561	-	1.554.426.561	-

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Phụ lục số 01 - Trang 23, 24)

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘI

Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kê toán	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	350.568.000	350.568.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	350.568.000	350.568.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2021	280.454.400	280.454.400
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	280.454.400	280.454.400
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	70.113.600	70.113.600
Tại ngày 31/12/2021	70.113.600	70.113.600

8. Tài sản dở dang dài hạn

<i>Xây dựng cơ bản dở dang(*)</i>	31/12/2021	01/01/2021
Công trình Mốc giới	2.488.944.500	2.488.944.500
Công trình nạo vét kênh tiêu Sóc Sơn	239.525.173	239.525.173
Cộng	2.728.469.673	2.728.469.673

(*) 2 công trình nêu trên đã dừng đầu tư và không được quyết toán. Công ty chưa ghi nhận giá trị các công trình này là khoản tồn thất vào chi phí sản xuất kinh doanh.

9. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn	69.200.000	2.813.556.807
Chi phí trả trước chờ phân bổ	69.200.000	2.813.556.807
Dài hạn	-	28.800.000
Chi phí trả trước chờ phân bổ	-	28.800.000
Cộng	69.200.000	2.842.356.807

10. Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	13.182.292.670	13.182.292.670	25.515.137.807	25.515.137.807
Công ty TNHH Cơ điện An Cường	2.623.962.000	2.623.962.000	2.392.818.000	2.392.818.000
Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Bắc Đuống	310.390.308	310.390.308	2.331.130.637	2.331.130.637
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng Biển Xanh	195.732.000	195.732.000	1.554.906.000	1.554.906.000
Công ty điện lực Đông Anh	3.015.891.783	3.015.891.783	3.346.872.313	3.346.872.313
Công ty điện lực Gia Lâm	614.900.432	614.900.432	385.629.862	385.629.862
Công ty điện lực Mê Linh	509.298.210	509.298.210	845.927.483	845.927.483
Công ty điện lực Sóc Sơn	98.458.760	98.458.760	1.416.128.952	1.416.128.952
Các đối tượng khác	5.813.659.177	5.813.659.177	13.241.724.560	13.241.724.560
Cộng	13.182.292.670	13.182.292.670	25.515.137.807	25.515.137.807

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘIĐường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	-	2.785.000
Xí nghiệp Bắc Hà	-	2.785.000
Cộng	-	2.785.000

12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	421.544.129	2.967.036.478	2.961.535.021	427.045.586
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.673.094	5.192.952.217	5.264.625.311	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.588.400	47.469.260	57.057.660	-
Thuế tài nguyên	258.378.760	1.872.701.560	1.863.940.120	267.140.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	10.853.642	870.973.784	870.973.736	10.853.690
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế phải nộp về ngân sách	15.019.463.411	17.466.504.290	32.485.967.701	-
Cộng	15.791.501.436	28.420.637.589	43.507.099.549	705.039.476
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	735.374.689	735.374.689
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	135.574.044	135.574.044
Tiền nộp thừa vào ngân sách	-	-	1.016.620.418	1.016.620.418
Cộng	-	-	1.887.569.151	1.887.569.151

13. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn	10.791.210.764	20.616.820.534
Tài sản thừa chờ xử lý	-	186.566.990
Kinh phí công đoàn	6.059.325	430.654.957
HTX Phú Thọ Đông Xuân	18.510.420	421.307.382
HTX DVNN & KDTH Hồng Kỳ	15.687.750	404.515.397
HTX DVNN & KDTH Tân Minh	131.627.170	404.701.824
HTX DVTH Mai Đình	113.737.810	429.041.926
UBND xã Nam Sơn	159.041.190	436.339.625
HTX DVTH NLN Bắc Sơn	20.714.560	685.773.018
Xí nghiệp Từ Liêm	193.898.382	388.369.397
Xí nghiệp Thanh Trì	-	2.365.307.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.131.934.157	14.464.243.018
Cộng	10.791.210.764	20.616.820.534

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘI

Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

14. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn	2.921.993.076	927.080.976
Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương	-	160.000.000
Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO - Chi nhánh Miền Bắc	80.000.000	19.556.900
Chi phí SCTX chuyển nguồn sang năm sau	749.406.076	747.524.076
Xí nghiệp cung cấp nước thô và Tư vấn xây dựng	2.092.587.000	-
Cộng	2.921.993.076	927.080.976

15. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2021	01/01/2021
a) Ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng Đông Bắc	30.000.000	30.000.000
b) Dài hạn	-	30.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng Đông Bắc	-	30.000.000
Cộng	30.000.000	60.000.000

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	766.117.274.332	27.676.263.207	(39.445.201)	1.391.897.193	795.145.989.531
Lãi trong kỳ	-	-	32.632.646.288	-	32.632.646.288
Tăng do trích các quỹ	-	9.789.793.887	-	-	9.789.793.887
Tăng do nhận bàn giao TSCĐ	91.991.411.657	-	-	-	91.991.411.657
Trích các quỹ	-	-	(15.166.141.998)	-	(15.166.141.998)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(17.466.504.290)	-	(17.466.504.290)
Giảm khác	(6.105.257.305)	-	-	-	(6.105.257.305)
Số dư tại 31/12/2021	852.003.428.684	37.466.057.094	(39.445.201)	1.391.897.193	890.821.937.770

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
UBND Thành phố Hà Nội	852.003.428.684	766.117.274.332
Cộng	852.003.428.684	766.117.274.332

c) Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	27.676.263.207	9.789.793.887	-	37.466.057.094

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu		
Doanh thu dịch vụ thủy lợi	113.318.585.152	120.815.710.465
Doanh thu cung cấp nước thô	58.856.334.743	55.254.048.458
Doanh thu hoạt động khác	343.940.259	305.883.116
Cộng	172.518.860.154	176.375.642.039

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn dịch vụ thủy lợi	100.875.198.396	110.130.162.207
Giá vốn hàng bán hoạt động cung cấp nước thô	16.405.642.787	13.817.298.222
Giá vốn hàng bán hoạt động khác	312.849.634	287.111.594
Cộng	117.593.690.817	124.234.572.023

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi	59.808.514	133.399.878
Cộng	59.808.514	133.399.878

4. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Phí chuyển tiền	37.743.045	55.291.746
Cộng	37.743.045	55.291.746

5. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền chậm nộp Lợi nhuận sau thuế	-	2.831.005.265
Tiền chậm nộp thuế	127.316.924	163.270.930
Chi phí khác	699.684.080	-
Cộng	827.001.004	2.994.276.195

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘIĐường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí quản lý doanh nghiệp hoạt động trời tiêu	10.926.447.143	10.496.681.373
Chi phí nhân viên	4.009.433.343	3.840.974.564
Chi phí vật liệu	960.862.500	895.678.880
Chi đồ dùng văn phòng	1.444.799.421	635.427.912
Chi phí khấu hao TSCĐ	433.380.196	344.214.397
Thuế, phí và lệ phí	818.385.240	719.900.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.337.929.241	1.249.431.452
Chi phí khác bằng tiền	1.921.657.202	2.811.053.593
Chi phí quản lý doanh nghiệp hoạt động cung cấp nước thô	5.371.856.669	5.229.962.933
Cộng	16.298.303.812	15.726.644.306

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	25.964.761.085	17.877.924.590
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN trong kỳ	5.192.952.217	5.082.513.374
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.192.952.217	5.082.513.374

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2021
Tăng vốn góp chủ sở hữu do nhận bàn giao tài sản cố định	91.991.411.657

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban điều hành Công ty khẳng định rằng theo nhận định của Ban điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
<i>Bán hàng cho Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội</i>	<i>Cùng chủ sở hữu</i>	58.856.334.743	55.254.048.458

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Khoản mục	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu khách hàng			
<i>Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội</i>	<i>Cùng chủ sở hữu</i>	3.571.339.200	3.492.231.600

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và được Công ty điều chỉnh lại theo Quyết định thẩm tra quyết toán vụ xuân của Sở Tài chính.

Khoản mục	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	131	60.603.148.957	3.334.409.008	63.937.557.965
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	719.823.540	2.093.733.267	2.813.556.807
Tài sản cố định hữu hình	221	750.454.154.497	36.291.629	750.490.446.126
- Nguyên giá	222	814.693.292.450	930.132.000	815.623.424.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(64.239.137.953)	(893.840.371)	(65.132.978.324)
Chi phí trả trước dài hạn	261	43.200.000	(14.400.000)	28.800.000
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24.656.007.981	859.129.826	25.515.137.807
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	2.785.000	2.785.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.006.611.926	14.784.889.510	15.791.501.436
Phải trả người lao động	314	6.939.610.585	3.435.775.399	10.375.385.984
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	932.779.976	(5.699.000)	927.080.976
Phải trả ngắn hạn khác	319	19.081.580.167	1.535.240.367	20.616.820.534
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	7.939.849.099	431.221.925	8.371.071.024
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	3.156.000.000	3.156.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411	767.028.443.332	(911.169.000)	766.117.274.332
Quỹ đầu tư phát triển	418	28.127.078.685	(450.815.478)	27.676.263.207
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16.463.142.918	(16.502.588.119)	(39.445.201)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	173.041.233.031	3.334.409.008	176.375.642.039
Giá vốn hàng bán	11	122.094.257.961	2.140.314.062	124.234.572.023
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.795.257.198	2.931.387.108	15.726.644.306
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.317.087.275	(234.573.901)	5.082.513.374

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng



Kiều Thị Hồng Thắm

Chủ tịch Công ty



Trần Thanh Toàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

HÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘI
Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Phụ lục 01 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, DCQL	Thiết bị truyền dẫn	Kênh mương công đập	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2021	160.449.236.951	93.464.130.796	1.788.075.900	1.944.765.798	18.168.151.777	539.809.063.228	815.623.424.450
Tăng trong năm	38.745.137.614	25.274.277.603	-	-	7.058.835.225	22.038.216.225	93.116.466.667
Tăng do nhận bàn giao	37.433.515.614	25.274.277.603	-	-	7.058.835.225	22.038.216.225	91.804.844.667
Tăng do XDCB hoàn thành	1.311.622.000	-	-	-	-	-	1.311.622.000
Giảm trong năm	27.528.000	-	-	-	-	-	27.528.000
Điều chỉnh giá trị tài sản theo quyết toán	27.528.000	-	-	-	-	-	27.528.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	199.166.846.565	118.738.408.399	1.788.075.900	1.944.765.798	25.226.987.002	561.847.279.453	908.712.363.117
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư tại ngày 01/01/2021	25.095.979.534	26.263.085.251	1.716.277.770	1.200.961.232	7.104.692.735	3.751.981.802	65.132.978.324
Tăng trong năm	660.511.357	6.135.035.310	71.798.130	192.996.662	974.326.761	-	8.034.668.219
Trích khấu hao trong năm	660.511.357	1.017.868.707	71.798.130	192.996.662	974.326.761	-	2.917.501.616
Giá trị khấu hao, giá trị còn lại của TSCĐ chuyển giao sang CT Sông Nhuệ	-	5.117.166.603	-	-	-	-	5.117.166.603
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	25.756.490.890	32.398.120.561	1.788.075.900	1.393.957.893	8.079.019.496	3.751.981.802	73.167.646.543
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2021	135.353.257.417	67.201.045.545	71.798.130	743.804.567	11.063.459.042	536.057.081.426	750.490.446.126
Tại ngày 31/12/2021	173.410.355.675	86.340.287.837	-	550.807.905	17.147.967.506	558.095.297.651	835.544.716.574

Đơn vị tính: VND

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI HÀ NỘI

Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục 01 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Chi tiết các công trình tăng trong năm như sau:

Tên công trình	Căn cứ ghi nhận	Giá trị
+ Tăng do nhận bàn giao		91.804.844.667
Cải tạo, nâng cấp TB dã chiến Áp Bắc	Quyết định 4770/QĐ-STC ngày 24/7/2020 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	1.103.269.000
Cải tạo, sửa chữa hồ Đồng Đò	Quyết định 6732/QĐ-STC ngày 09/10/2019 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	7.998.924.000
Thay thế máy móc thiết bị trạm bơm Kim Đức	Quyết định 7397/QĐ-STC ngày 24/11/2021 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	2.045.847.000
Cải tạo trạm bơm Đông Cao	Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 09/02/2021 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	1.031.041.000
Cải tạo trạm bơm Đẹp Thôn	Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 09/02/2021 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	955.784.000
Cải tạo trạm bơm Tráng Việt	Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 14/4/2021 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	1.167.920.000
Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Phù Đổng	Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 11/6/2021 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	74.084.635.581
Thay thế 05 tổ máy bơm HTD 2.300-7 trạm bơm Thịnh Liên	Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 24/9/2020 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	1.993.609.000
Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông trung thủy nông xã Văn Đức huyện Gia Lâm	Quyết định 4548/QĐ-STC ngày 19/7/2021 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án	1.423.815.086
+ Tăng do XDCB hoàn thành		1.311.622.000
Cải tạo nâng cấp khu văn phòng Xi nghiệp Mê Linh	Quyết định 12/QĐ-TLHN ngày 29/4/2021 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án	598.234.000
Cải tạo, nâng cấp TB dã chiến Áp Bắc	Quyết định 14/QĐ-TLHN ngày 29/4/2021 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án	669.470.000
Lắp đặt lan can bảo vệ khu vực trạm bơm Áp Bắc	Quyết định 16/QĐ-TLHN ngày 02/7/2021 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án	43.918.000
Cộng		93.116.466.667

Chi tiết các công trình giảm trong kỳ như sau:

Tên công trình	Căn cứ ghi nhận	Giá trị
Cải tạo bê lằng bùn đất trạm bơm Áp Bắc	Quyết định 03/QĐ-TLHN ngày 19/4/2021 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án	13.540.000
Lắp dựng vách kính, cửa kính trụ sở công ty	Quyết định 13/QĐ-TLHN ngày 29/4/2021 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án	2.820.000
Chỉnh trang kiến trúc trụ sở công ty	Quyết định 15/QĐ-TLHN ngày 29/4/2021 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án	11.168.000
Cộng		27.528.000

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính) đồng hợp kèm theo)